

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHỤNG HIỆP  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 18 – 11 – 2024  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Thái Thơ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Văn Phục

Ông Nguyễn Văn Dương

**- Thư ký phiên tòa:** Nguyễn Thị Cúc – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 568A/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn K, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp M, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

Bị đơn: Chị Phạm Thị Minh T, sinh năm 2004; địa chỉ: ấp P, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn K trình bày:*

Các đương sự tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2021, không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống không có con chung. Thời gian đầu chung sống

hạnh phúc nhưng từ năm 2022 thì thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai không còn hợp nhau trong nhiều quan điểm sống, cũng như công việc làm ăn, từ đó mà không còn quan tâm chia sẻ nhau trong mọi việc, không còn tình cảm yêu thương với nhau, nên đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Bản thân nguyên đơn đã nhiều lần hàn gắn tình nghĩa vợ chồng nhưng tất cả đều không thành. Trong năm 2022, vợ chồng đã sống ly thân đến nay.

Nay xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với Phạm Thị Minh T; Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn chị Phạm Thị Minh T có ý kiến trình bày:*

Bị đơn và chồng là Trần Văn K, sinh ngày: 21/06/1996; Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Hai bên tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2021, không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống không có con chung. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2022 vợ chồng không được hợp nhau trong nhiều việc, vợ chồng không còn quan tâm chia sẻ nhau, nên đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Mặc dù cả hai đã nhiều lần tìm cách khắc phục để hàn gắn tình nghĩa vợ chồng nhưng tất cả đều không thành. Trong năm 2022 vợ chồng sống ly thân đến nay.

Nay nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn thì bị đơn cũng đồng ý ly hôn với nguyên đơn là Trần Văn K; Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét; Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Trần Văn K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Phạm Thị Minh T. Căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự,

Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn chị Phạm Thị Minh T có địa chỉ ở ấp P, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn K và chị Phạm Thị Minh T đều thống nhất khai giữa hai bên sống chung như vợ chồng từ năm 2021 cho đến nay mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Việc này được Ủy ban nhân dân xã T, nơi đăng ký thường trú của nguyên đơn và bị đơn xác nhận là không có đăng ký kết hôn. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, giữa nguyên đơn và bị đơn không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do vậy, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn.

[5] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân nguyên đơn và bị đơn không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Tài sản chung, nghĩa vụ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn anh Trần Văn K và bị đơn chị Phạm Thị Minh T.

2. Về án phí: Buộc nguyên đơn anh Trần Văn K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007128 ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, anh Trần Văn K không phải nộp thêm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND H Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H Phụng Hiệp;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Hà Thái Thơ**